

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ-TKV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1880/TB-MTS**
Về việc điều chỉnh nội dung tài liệu biểu quyết tại
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2026

VIETNAM NATIONAL COAL AND MINERAL
INDUSTRIES GROUP - VINACOMIN
VINACOMIN - MATERIALS TRADING JSC

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No.: **1880/TB-MTS**
On the amendment of the contents of voting materials at
the 2026 Annual General Meeting of Shareholders

Quang Ninh, April 21, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
To: - State Securities Commission of Vietnam;
- Hanoi Stock Exchange.



I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

I. INFORMATION ON THE DISCLOSING ORGANIZATION

- * **Tên tổ chức phát hành:** Công ty Cổ phần Vật tư – TKV
- * **Issuer:** Vinacomin – Materials Trading Joint Stock Company
- * **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** Số 5700100707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp.
- * **Enterprise Registration Certificate:** No. 5700100707 issued by the Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province
- * **Mã chứng khoán:** MTS
- * **Sàn giao dịch:** UPCOM
- * **Ticker Symbol:** MTS
- * **Trading Venue:** UPCoM
- * **Trụ sở:** Tổ 1, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh.
- * **Head Office:** Group 1, Area 2, Hong Ha Ward, Ha Long City, Quang Ninh Province.
- * **Điện thoại:** 0203. 3695 899
- * **Fax:** 0203. 3634 899
- * **Telephone:** (+84) 203 3695 899
- * **Fax:** (+84) 203 3634 899
- * **Website:** vmts.vn
- * **Người thực hiện CBTT (Người phụ trách quản trị):** Hoàng Mai Phương
- * **Person in charge of information disclosure (Corporate Governance Officer):** Hoang Mai Phuong
- * **Điện thoại di động:** 0978.566.888
- * **Mobile:** 0978 566 888

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

II. CONTENT OF INFORMATION DISCLOSURE

Ngày 21/04/2026, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư - TKV đã ban hành Nghị quyết số: 10/2026/NQ-HĐQT-MTS ngày 21/4/2026 Về việc Về việc điều chỉnh nội dung tài liệu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Vật tư -TKV.

On April 21, 2026, the Board of Directors of Vinacomin – Materials Trading Joint Stock Company issued Resolution No. 10/2026/NQ-HĐQT-MTS dated April 21, 2026 on the amendment of the contents of voting materials at the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Vinacomin – Materials Trading Joint Stock Company.

Công ty Cổ phần Vật tư - TKV xin được công bố thông tin trên đến Quý ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết và thực hiện công bố thông tin ra công chúng theo quy định hiện hành.

Vinacomin – Materials Trading Joint Stock Company hereby discloses this information to the State Securities Commission of Vietnam and the Hanoi Stock Exchange for their acknowledgment and for public disclosure in accordance with current regulations.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We hereby certify that the information disclosed above is true and accurate, and we take full responsibility before the law for the contents of the disclosed information./.

Xin trân trọng thông báo!

Respectfully submitted!

*** Nơi nhận:**

- UBCKNN, Sở GDCK HN
- Website Công ty
- Lưu VP, TK.

Recipients:

- SSCV, HNX
- Company's Website
- Archived at: Office,
Company Secretary

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PERSON IN CHARGE OF INFORMATION DISCLOSURE
THƯ KÝ CÔNG TY
COMPANY SECRETARY**



**Hoàng Mai Phương
Hoang Mai Phuong**



Số: 10/2026/NQ-HĐQT-MTS

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh nội dung tài liệu biểu quyết tại
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Vật tư -TKV

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV.

Căn cứ Công văn số: 2741/TKV-KSNB ngày 21/4/2026 của TKV Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Vật tư - TKV.

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 03/2026/BB-HĐQT-MTS ngày 21/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư - TKV.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư - TKV tham gia thảo luận và thống nhất, như sau:

1. Hội đồng quản trị thống nhất điều chỉnh nội dung tài liệu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, cụ thể như sau:

- Báo cáo Kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. (Tóm tắt)
- Báo cáo Phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2025.
- Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thẩm định báo cáo kết quả Sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2025, phương án phân phối lợi nhuận của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV.


2. Lý do điều chỉnh: Theo ý kiến của cổ đông lớn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc rà soát, cập nhật số liệu báo cáo biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 để đảm bảo tối ưu hóa quyền lợi cổ đông và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký ban hành các tài liệu điều chỉnh trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc; Kế toán trưởng và các phòng, đơn vị liên quan căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3 (e-copy);
- Đảng ủy (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Phú



BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

1. Thuận lợi

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, Công ty đánh giá có 03 thuận lợi cơ bản.

- Thứ nhất, là một đơn vị trong TKV, làm nhiệm vụ hậu cần cho sản xuất, kinh doanh than, Công ty cổ phần Vật tư - TKV luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện, cũng như sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, của Đảng ủy Than Quảng Ninh, của các tổ chức chính trị xã hội trong TKV, sự hợp tác, ủng hộ của các đơn vị trong TKV đối với việc sử dụng các hàng hóa, dịch vụ mà Công ty cung cấp như: Xăng dầu, dầu nhờn Cominlub, vật tư phụ tùng, sản phẩm may công nghiệp, dịch vụ bốc xếp, vận tải than đường thủy nội địa...

- Thứ hai, sự thay đổi tích cực về mô hình tổ chức sản xuất, tinh gọn bộ máy, nề nếp quản lý, tuân thủ kỷ cương, kỷ luật của đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động trong toàn Công ty; sự phối hợp chỉ đạo đồng bộ, nhất quán của Đảng ủy, Hội đồng quản trị và sự quyết liệt của Ban lãnh đạo Công ty.

- Thứ ba, đội ngũ hơn 600 cán bộ công nhân viên giàu nhiệt huyết, lành nghề và có nhiều kinh nghiệm trong lao động sản xuất, đã đóng góp rất quan trọng vào kết quả sản xuất kinh doanh.

2. Khó khăn

- Tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, biến động tăng giảm giá xăng dầu đã ảnh hưởng đến 02 lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty là cung ứng xăng dầu và sản xuất dầu nhờn Cominlub.

- Công ty tiếp tục lộ trình tái cấu trúc theo đề án đã được TKV phê duyệt, công tác định biên, sắp xếp lại lao động nhất là lao động gián tiếp cũng là một trong những khó khăn của Công ty.

- Tình hình thời tiết cực đoan xảy ra bất ngờ, mùa mưa bão kéo dài cũng ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

1. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN NĂM 2025	TỶ LỆ %
1	Sản phẩm chủ yếu				
	- Xăng	1000 L	3.840	3.957	103%
	- Dầu Diesel	1000 L	180.000	201.194	112%
	- DN,MM	1000 L	1.570	1.559	99%
	- Bốc xếp	tấn	1.600.000	1.795.436	112%
	- Vận tải thủy	tấn	600.000	455.366	76%
	- Tiêu thụ dầu nhờn COM	1000 L	4.000	3.624	91%
2	Tổng doanh thu	trđ	3.950.100	4.150.530	105%
3	Giá trị sản xuất	trđ	471.100	502.682	107%
*	<i>GTSX tính lương</i>	trđ	<i>471.100</i>	<i>485.022</i>	<i>103%</i>
4	Tổng chi phí trong kỳ	trđ	451.100	475.116	105%
5	Lợi nhuận	trđ	20.000	27.566	138%
6	Tiền lương bình quân	1000đ/ng-th	12.445	13.316	107%
7	Trả cổ tức	%/Vốn ĐL	6÷8%	8%	Đạt

2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ trên các mặt công tác

2.1. Công tác kinh doanh xăng dầu.

Dự trữ và cung ứng xăng dầu cho sản xuất than là nhiệm vụ quan trọng nhất TKV giao cho Công ty, với yêu cầu cung cấp đủ, kịp thời, không gián đoạn trong mọi tình huống. Các điểm cấp xăng dầu trên khai trường được Công ty bố trí ở các vị trí thuận tiện, góp phần giảm chi phí huy động cho các khách hàng. Khâu cấp phát đến từng đầu phương tiện khách hàng (cấp lẻ) sử dụng xe xi téc chuyên dụng được Công ty chú trọng bằng việc đầu tư xe mới, hiện đại. Năm 2025, Công ty đã bám sát diễn biến giá xăng dầu, cân đối các nguồn hàng, đảm bảo dự trữ ở mức an toàn và đã cung ứng 201,1 triệu lít dầu DO cho các đơn vị trong và ngoài TKV, góp phần quan trọng vào hoạt động sản xuất kinh doanh than của TKV.

2.2. Sản xuất và tiêu thụ dầu Cominlub

Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp tăng cường quản lý, giám sát về chất lượng nguyên liệu đầu vào, quy trình sản xuất và sản phẩm đầu ra, cũng như tập trung nguồn lực vào khâu bán hàng và sau bán hàng, nhằm giữ vững, mở rộng thị trường; đầu tư nghiên cứu sản xuất các chủng loại dầu bôi trơn phẩm cấp cao đạt tiêu chuẩn quốc tế phục vụ các loại xe hiện đại, xe trọng tải lớn; tiếp tục nghiên cứu đa dạng hoá sản phẩm với nhiều nguồn nguyên vật liệu khác nhau nhằm hạ giá thành sản phẩm; đầu tư các máy móc, thiết bị hiện đại cho Phòng Thí nghiệm - Phân xưởng SXDN 12/11 (Vilas 256) để nâng năng lực nghiên cứu, thí nghiệm sản phẩm.

Năm 2025, tiêu thụ dầu Cominlub đạt 3,624 triệu lít bằng 91% kế hoạch PHKD và bằng 97% so với năm 2024. Nguyên nhân do khai thác lộ thiên ngày càng giảm, các đơn vị đi sâu vào khai thác hầm lò dẫn đến sản lượng dầu Cominlub cung cấp cho máy móc thiết bị khai thác giảm. Một số đơn vị đơn vị chưa thực sự ủng hộ việc sử dụng dầu nhờn Cominlub theo kế hoạch PHKD của TKV; sự cạnh tranh quyết liệt của các hãng dầu (CAT, Komatsu, Castrol, Mobile, Fuchs, Total..) và dầu nhờn bảo hành cho MMTB đã gây rất nhiều khó khăn trong việc chào bán và mở rộng thị trường.

2.3. Công tác bốc xếp và vận tải thủy

Công tác bốc xếp năm 2025 thực hiện 1,795 triệu tấn /1,6 triệu tấn đạt 112% so với kế hoạch trong đó bốc xếp hàng than 1,037 triệu tấn, hàng ngoài than 759 nghìn tấn; nguyên nhân sản lượng bốc xếp hàng than thấp là do liên danh tham gia đấu thầu bốc xếp; các tàu có cầu thực hiện vận chuyển than ngày càng giảm, các đơn vị khách hàng phần lớn đều thuê tàu không có cầu để vận chuyển than và sử dụng cầu nổi để bốc dỡ than. Tuy nhiên, Công ty đã chủ động tìm kiếm, khai thác thị trường bên ngoài TKV: bốc xếp Quặng, Ngô hạt và Clinker thúc đẩy tăng sản lượng vượt kế hoạch giao.

Công tác vận tải thủy: Trong năm 2025 Công ty thực hiện vận chuyển và chuyển tải than đảm bảo theo các quy định của TKV; Sản lượng vận tải thủy năm 2025 thực hiện 455 nghìn tấn/600 nghìn tấn đạt 76% kế hoạch năm; nguyên nhân là do năm 2025 ảnh hưởng của thời tiết bất thường, cực đoan, mưa lớn kéo dài trên diện rộng làm công tác vận chuyển than cho các Nhà máy điện giảm; trong năm Nhà máy đạm Hà Bắc cũng dừng hoạt động 02 tháng cũng ảnh hưởng đến sản lượng vận chuyển than của Công ty.

2.4. Sản xuất quần áo bảo hộ lao động, ống gió lò

Đây là ngành hàng truyền thống của Công ty, năm 2025 Công ty đã sản xuất và cung cấp cho khách hàng gần 50.000 bộ quần áo BHLĐ các loại và gần 113.000 mét ống gió lò, doanh thu đạt 40,6 tỷ đồng, chất lượng sản phẩm và dịch vụ sau bán hàng tốt, được khách hàng tin dùng. Công ty đã đầu tư thêm thiết bị dây chuyền may đồng bộ, tổ chức đào tạo công nhân may theo dây chuyền nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm.

2.5. Công tác kế hoạch, quản trị chi phí, điều hành sản xuất

Trên cơ sở Kế hoạch phối hợp kinh doanh với TKV, Công ty đã tổ chức giao kế hoạch để các đơn vị thực hiện, phù hợp với nguồn lực của mỗi đơn vị. Trong quá trình thực hiện, thường xuyên bám sát tiến độ sản xuất, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc phát sinh, chỉ đạo phối hợp điều hành nhịp nhàng, thông suốt; bám sát giá xăng, dầu, dầu gốc, phụ gia... để quyết định tồn kho ở mức an toàn, hợp lý, nhằm nắm lợi thế khi giá nhiên liệu tăng và giảm thiểu rủi ro khi giảm giá, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Về quản trị chi phí, Công ty thực hiện mục tiêu tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản xuất, đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận mà TKV và Đại hội đồng cổ đông đặt ra. Định kỳ hàng tháng, quý, Công ty tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện doanh thu, chi phí tại các đơn vị theo quy chế khoán, đảm bảo chi phí phù hợp với kết quả doanh thu của từng đơn vị, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty. Kết quả năm 2025, giá trị sản xuất đạt 502,68 tỷ đồng, chi phí 475,1 tỷ đồng và lợi nhuận 27,566 tỷ đồng bằng 138% kế hoạch.

2.6. Công tác đầu tư

Với mục tiêu đầu tư: Duy trì năng lực sản xuất của đơn vị; Bổ sung và thay thế dần các phương tiện thiết bị cũ, lạc hậu, hoạt động không còn hiệu quả; Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho các đơn vị trong và ngoài TKV; Ổn định sản xuất, đảm bảo công ăn việc làm, đời sống cho người lao động.

Năm 2025, trên cơ sở kế hoạch đầu đã được Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Hội đồng quản trị Công ty thông qua, Công ty cổ phần Vật tư - TKV đã triển khai thực hiện 02 dự án: Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2025 và Dự án Mua sắm đoàn phương tiện.

- Kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2025 của TKV:

+ Kế hoạch thực hiện đầu tư: 42.502 triệu đồng

+ Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư: 21.451 triệu đồng

- Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2025 của Công ty:

+ Thực hiện đầu tư: 42.198 triệu đồng

+ Thực hiện giải ngân vốn đầu tư: 29.621 triệu đồng

2.6.1. Dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2025:

- Quy mô đầu tư:

STT	Nội dung đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Phần mềm kế toán	HT	01
2	Xe ô tô tải (Xe tải thùng 9-10 tấn có mui và thiết bị nâng hạ)	Cái	02
3	Thiết bị nôi hơi (1000-1500 kg/h)	Cái	01
4	Cột bơm xăng dầu (loại 6 vòi, 60-80l/p)	Cái	03
5	Cột bơm xăng dầu (cột kép 140l/p)	Cái	04

- Tổng mức đầu tư: 10.980 triệu đồng
 - Trong đó:
 - + Chi phí thiết bị: 10.262 triệu đồng
 - + Chi phí tư vấn, khác, ...: 718 triệu đồng
 - Nguồn vốn: Vay thương mại và vốn Chủ sở hữu
 - Kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2025: 10.025 triệu đồng
 - Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư năm 2025: 10.025 triệu đồng
 - Thực hiện đầu tư năm 2024: 0 triệu đồng
 - Thực hiện đầu tư năm 2025: 9.933 triệu đồng
 - Giải ngân vốn đầu tư năm 2025: 9.873 triệu đồng
 - Chưa giải ngân năm 2025: 60 triệu đồng
- (Chi phí Tư vấn kiểm toán, thẩm tra Báo cáo Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, thực hiện xong cuối tháng 12/2025 nên được giải ngân Quý 1/2026)
- Chuyển tiếp sang năm 2026: 0 triệu đồng
- Dự án về cơ bản đã hoàn thành trong năm 2025.
- 2.6.2. Dự án: Mua sắm đoàn phương tiện thủy
- Quy mô đầu tư:

STT	Nội dung đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Đoàn phương tiện thủy (mỗi đoàn gồm: 01 tàu đẩy 720CV + 04 sà lan boong nổi trọng tải 1000T)	Đoàn PT	02

- Tổng mức đầu tư: 72.031 triệu đồng
 - Trong đó:
 - + Chi phí thiết bị: 66.584 triệu đồng
 - + Chi phí tư vấn, khác, ...: 5.447 triệu đồng
 - Nguồn vốn: Vay thương mại và vốn Chủ sở hữu
 - Kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2025: 32.477 triệu đồng
 - Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư năm 2025: 11.426 triệu đồng
 - Thực hiện đầu tư năm 2024: 0 triệu đồng
 - Giá trị xác nhận thực hiện đầu tư năm 2025: 32.265 triệu đồng
 - Giải ngân vốn đầu tư năm 2025: 19.748 triệu đồng
 - Chuyển tiếp sang năm 2026: 33.029 triệu đồng
- Năm 2025, Công ty đã xác nhận khối lượng hoàn thành của 01 đoàn phương tiện thủy (mỗi đoàn gồm: 01 tàu đẩy 720CV + 04 sà lan boong nổi trọng tải 1000T) với Nhà thầu, ghi nhận giá trị thực hiện là 31.147 triệu đồng. Công ty đang tiếp tục phối hợp với Nhà thầu để đẩy nhanh tiến độ thực hiện hợp đồng nhằm đảm bảo tiến độ dự án, đồng thời triển khai thực hiện hợp đồng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật theo thiết kế đã được phê duyệt và theo quy định hiện hành.

TÓM TẮT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch TKV		Thực hiện năm 2025	
		Thực hiện	Giải ngân	Thực hiện	Giải ngân
	TỔNG SỐ	42.502	21.451	42.198	29.621
A	Kế hoạch chính thức	42.502	21.451	42.198	29.621
1	Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2025	10.025	10.025	9.933	9.873
2	Dự án Mua sắm đoàn phương tiện thủy	32.477	11.426	32.265	19.748
B	Kế hoạch chuẩn bị dự án				

2.7. Công tác tài chính kế toán

Năm 2025, công tác tài chính kế toán thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, cân đối nguồn tài chính đảm bảo khả năng thu xếp vốn, các khoản chi phục vụ sản xuất kinh doanh; thực hiện tốt việc thanh toán đề nghị bù trừ công nợ nội bộ Tập đoàn, góp phần giảm số dư vay ngân hàng và tăng vòng quay vốn, không để xảy ra tình trạng công nợ quá hạn chưa thanh toán. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định về kế toán, tài chính theo đúng các quy định của Nhà nước, Tập đoàn. Công ty chủ động tổ chức tự kiểm tra, rà soát định kỳ và theo chuyên đề về thiết lập hồ sơ chứng từ và hạch toán theo đúng các quy định của pháp luật.

2.8. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

- Công tác tổ chức: Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại mô hình tổ chức, giảm đầu môi quản lý, Công ty đã tiến hành hợp nhất 2 phân xưởng có sự tương đồng và hỗ trợ lẫn nhau trong SXKD là phân xưởng Bốc xếp và Cảng với phân xưởng Vận tải thủy thành phân xưởng Vận tải - Xếp dỡ từ ngày 01/9/2025, đồng thời Công ty cũng đang xây dựng định biên lao động, phương án và lộ trình cơ cấu lại lực lượng lao động để giảm tỷ lệ lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ và tăng tỷ lệ lao động công nghệ theo như các chỉ đạo của TKV.

+ Tổ chức lại mô hình cấp phát nhiên liệu tại 2 phòng xăng dầu với việc bỏ mô hình các trạm kinh doanh dầu (8 trạm) để phòng xăng dầu quản lý trực tiếp các điểm cấp nhằm tiết kiệm lao động, tăng cường trách nhiệm cá nhân, 8 trạm trưởng được giao nhiệm vụ trưởng điểm cấp, gắn trách nhiệm vào việc quản lý hàng hóa, tồn chứa, cấp phát.

+ Công ty đã xây dựng phương án cơ cấu lại chi nhánh Hà Nội, thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động Chi nhánh Hà Nội và chuyển tên thành phòng kinh doanh Hà Nội kể từ ngày 01/01/2026.

- Công tác cán bộ: Công ty thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của Công tác cán bộ, như công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đánh giá cán bộ cuối năm và xây dựng Quy chế quản lý cán bộ theo Quy chế quản lý cán bộ TKV mới ban hành.

- Về quản lý lao động: Công ty phân cấp quản lý lao động theo nguyên tắc (1) việc trực tiếp quản lý và sử dụng lao động thuộc thẩm quyền của trưởng phòng, quản đốc; (2) việc điều động người lao động giữa các đơn vị thuộc thẩm quyền của Giám đốc Công ty. Trong năm 2025, trên cơ sở đánh giá nhu cầu lao động phục vụ sản xuất của các đơn vị tại từng thời điểm, Công ty điều động 47 lao động giữa các đơn vị một cách linh hoạt, một mặt đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất, một mặt phù hợp với nguyện vọng cá nhân người lao động; giải quyết chế độ hưu trí cho 28 người; giải quyết chấm dứt hợp đồng lao động 18 trường hợp.

- Công tác đào tạo: Thường xuyên chọn và cử CBCNV tham gia các lớp học do Trường Quản trị Kinh doanh - Vinacomin và các đơn vị đào tạo tổ chức, nhằm nâng cao kiến thức, cập nhật những quy định mới trong tất cả các lĩnh vực công tác, đồng thời Công ty cũng tự tổ chức và thuê các đơn vị có chức năng giảng dạy các chuyên đề về công tác an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng theo quy định của pháp luật.

- Công tác tiền lương: Việc quản lý, sử dụng quỹ lương, chi trả tiền lương cho người lao động được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, của TKV, tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc trả lương, riêng cán bộ quản lý thực hiện trả lương theo KPI; bổ sung lương cho người lao động dịp kết thúc quý, 6 tháng và các ngày lễ, tết tạo động lực, đòn bẩy thúc đẩy tăng năng suất lao động. Trong năm 2025, trên cơ sở mức lương vị trí việc làm và hệ thống thang lương, bảng lương của TKV, Công ty đã điều chỉnh tăng mức tiền lương vị trí việc làm và tăng mức lương tham gia BHXH cho toàn thể CBCNV.

III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ:

1. Tồn tại, hạn chế

Đạt được những kết quả trong năm 2025 như trên là sự cố gắng, nỗ lực rất lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, sự giúp đỡ, tạo điều kiện của TKV, sự hợp tác của khách hàng, đối tác. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Công ty đánh giá còn một số tồn tại, hạn chế cần được nghiêm túc rút kinh nghiệm cho năm 2026 và giai đoạn tiếp theo.

- Công tác vận tải thủy sản lượng thực hiện thấp chưa đạt được như kỳ vọng.
- Sản lượng tiêu thụ dầu nhờn Cominlub chưa đạt theo Kế hoạch PHKD năm 2025, chưa phát huy được hết năng lực, công suất của Nhà máy dầu; một số đơn vị chưa thật sự quan tâm ủng hộ tiêu thụ vật tư trong ngành.

2. Biện pháp khắc phục

- Chú trọng khai thác năng lực tối đa của các đoàn phương tiện được đầu tư mới; Nắm bắt tình hình sản xuất điều hành vòng quay các phương tiện phù hợp, hiệu quả.

- Đẩy mạnh tập trung công tác chăm sóc khách hàng, công tác tiếp thị, quảng bá sản phẩm; cập nhật, nắm bắt thông tin về khách hàng, về số lượng thiết bị, về nhu cầu sử dụng dầu nhờn ở tất cả các thị trường; mở rộng thị trường tiêu thụ ngoài ngành phấn đấu đạt từ 600-700 nghìn lít/năm. Duy trì ổn định chất lượng sản phẩm dầu nhờn Cominlub; triển khai nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới chất lượng cao đáp ứng yêu cầu khắt khe của thiết bị trọng tải lớn sử dụng trong khai thác than lộ thiên; cũng như các hệ thống giàn chống cơ giới hoá tại các đơn vị sản xuất than hầm lò và đa dạng các dòng sản phẩm thông dụng đưa vào sử dụng thay thế các sản phẩm dầu hăng khác trên thị trường. Tiếp tục nghiên cứu, tối ưu hóa các dòng sản phẩm nhằm hạ giá thành sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm dầu nhờn Cominlub.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2025, do tình hình kinh tế chính trị thế giới diễn biến phức tạp, chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu bị ảnh hưởng, giá nguyên, nhiên, vật liệu khó dự báo, đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhưng nhờ sự quan tâm, giúp đỡ của Tập đoàn, Đảng ủy Than Quảng Ninh, Đảng ủy TKV và các tổ chức chính trị xã hội trong Tập đoàn, sự hợp tác của các khách hàng trong TKV và tinh thần đoàn kết của cán bộ công nhân viên toàn Công ty, kết hợp với nâng cao kỷ cương, kỷ luật trong quản lý điều hành, đồng thời linh hoạt tìm các giải pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu (như giá trị sản xuất, lợi nhuận, tiền lương, năng suất lao động...), đảm bảo việc làm, đời sống và thu nhập của người lao động.

PHẦN THỨ HAI
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH:

Năm 2026, là năm diễn ra Đại hội lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, cũng là năm đầu tiên triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, bước vào Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, tăng trưởng hai con số ngay từ năm 2026. Đó là cơ hội và cũng là thách thức đối với Công ty.

Các đơn vị trong ngành than giảm sản lượng khai thác lộ thiên, trong đó có Công ty than Cao Sơn, Công ty than Đèo Nai - Cọc Sáu giảm khai thác khai trường Cọc Sáu; Công ty than Hà Tu cũng gặp khó khăn trong quá trình sản xuất, ngoài ra một số đơn vị đầu tư máy móc thiết bị mới (thanh lý thiết bị cũ). Điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ dầu DO, dầu nhớt Cominlub.

II. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu

Mục tiêu của Công ty không nằm ngoài mục tiêu chung của Tập đoàn là AN TOÀN - ĐOÀN KẾT - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ.

Các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch SXKD năm 2026

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2026
A	Kế hoạch SXKD		
1	Chỉ tiêu hiện vật		
	- Xăng	1000 L	3.800
	- Dầu Diesel	1000 L	180.000
	- DN, MM	1000 L	1.500
	- Bốc xếp	Tấn	1.450.000
	- Vận tải thủy	Tấn	640.000
	- Tiêu thụ dầu nhớt COM	1000 L	4.100
2	Tổng doanh thu	Trđ	3.840.390
3	Giá trị sản xuất	Trđ	460.672
4	Lợi nhuận	Trđ	21.530
5	Lao động bình quân	Người	570
6	Tiền lương bình quân	1000đ/ng-th	13.828
B	Kế hoạch trả cổ tức	% Vốn điều lệ	≥ 7 %
C	Kế hoạch đầu tư	Trđ	65.922
1	Mua sắm đoàn phươg tiện thủy	Trđ	33.029
2	Xây dựng kho trung chuyển, Bến nhập dầu	Trđ	1.242
3	Nâng cao năng lực vận tải phươg tiện thủy năm 2026	Trđ	8.705
4	Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2026	Trđ	22.946

2. Nhiệm vụ

Công ty Cổ phần Vật tư - TKV tiếp tục thực hiện nhiệm vụ TKV giao là làm “hậu cần” cho sản xuất than, bao gồm cung ứng xăng dầu, vật tư phụ tùng, sản xuất dầu nhờn, bốc xếp, vận tải than đường thủy và may BHLĐ, ống gió lò, song song với nhiệm vụ ổn định việc làm, tăng thu nhập người lao động và đảm bảo chi trả cổ tức đối với cổ đông.

Các nhiệm vụ cụ thể:

- Bám sát các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2026 của Tập đoàn.

- Dự trữ và cung ứng xăng dầu cho sản xuất than của Tập đoàn một cách thường xuyên, liên tục, không để thiếu nhiên liệu ảnh hưởng đến sản xuất của TKV trong mọi tình huống.

- Sản xuất và cung cấp dầu nhờn Cominlub, đáp ứng tối đa nhu cầu của các đơn vị trong TKV, giành lợi thế cạnh tranh trên thị trường và đưa sản phẩm bán ra thị trường ngoài TKV.

- Khai thác mở rộng thị trường bốc xếp hàng ngoài than, nâng cao hiệu quả sử dụng, vận hành các đoàn phươg tiện thủy vận chuyển than, tìm kiếm khách hàng tiêu thụ vật tư phụ tùng, nhằm tăng doanh thu, tăng hiệu quả và thu nhập các lĩnh vực này.

- Từng bước tiến tới mô hình “Doanh nghiệp ít người, trả lương cao” để nâng cao thu nhập, đời sống cán bộ công nhân viên.

- Tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí, hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận để thực hiện nghĩa vụ chi trả cổ tức đối với các cổ đông, đồng thời dành nguồn trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi và đầu tư phát triển.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐIỀU HÀNH KH SXKD NĂM 2026

Đối với Công ty, năm 2026 đặt ra yêu cầu duy trì ổn định hoạt động kinh doanh các lĩnh vực truyền thống; mở rộng thị trường vật tư, dịch vụ; đẩy mạnh ứng dụng số trong quản lý điều hành; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo đảm an toàn, an ninh năng lượng; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ luật kỷ cương của Đảng. Công ty xây dựng các giải pháp quản lý, điều hành để hoàn thành các nhiệm vụ và thực hiện thắng lợi các mục tiêu nêu trên, cụ thể.

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra giám sát: Tổ chức quán triệt và triển khai nghiêm túc các nghị quyết, chủ trương của Đảng và Tập đoàn; thực hiện phương châm “Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ kết quả” trong phân công nhiệm vụ; nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và chuyên đề, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật trong công tác quản lý và điều hành.

2. Nâng cao chất lượng điều hành các lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

- Cung ứng xăng dầu: Chủ động cân đối nguồn cung, duy trì dự trữ an toàn; tổ chức cấp phát khoa học, bảo đảm đầy đủ, kịp thời; tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cấp phát tự động.

- Bốc xếp và vận tải thủy: Tập trung khai thác tối đa nguồn hàng than của TKV; chủ động phát triển thị trường ngoài than; xây dựng cơ chế khoán hợp lý đối với các đoàn phương tiện nhằm tăng vòng quay và nâng cao hiệu quả vận tải.

- Sản xuất và tiêu thụ dầu nhờn Cominlub: Đổi mới công nghệ, đa dạng hóa nguyên liệu; tăng cường công tác tiếp thị, bán hàng và chăm sóc khách hàng; nghiên cứu phát triển sản phẩm mới; mở rộng thị trường tiêu thụ ngoài TKV.

3. Tăng cường quản trị chi phí và thực hành tiết kiệm: Tổ chức kiểm soát chặt chẽ chi phí theo từng lĩnh vực; rà soát, bổ sung các định mức kinh tế – kỹ thuật theo hướng hợp lý, tiên tiến; triển khai đồng bộ các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

4. Đẩy mạnh đầu tư, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số: Triển khai hiệu quả các dự án đầu tư duy trì và phát triển sản xuất; đầu tư thay thế thiết bị, phương tiện hiện đại, trong đó có 01 đoàn sà lan 4.800 tấn nhằm nâng cao năng lực vận tải thủy; tăng cường ứng dụng công nghệ mới, hệ thống phần mềm quản lý; đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, thực hiện chuyển đổi số theo kế hoạch đề ra.

5. Tiếp tục cơ cấu lại tổ chức, bộ máy và phát triển nguồn nhân lực: Rà soát, sắp xếp lại mô hình tổ chức; tinh giản lao động gián tiếp, phục vụ, phụ trợ; duy trì đánh giá hiệu quả công việc theo KPI và trả lương theo vị trí việc làm; xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp, đáp ứng mô hình “Doanh nghiệp ít người – năng suất cao - thu nhập tốt”.

6. Công tác tài chính - kế toán: Thực hiện hạch toán đúng quy định; tăng cường kiểm tra, kiểm soát tài chính nội bộ; đẩy mạnh thu hồi công nợ, tăng vòng quay vốn; quản lý chặt chẽ các khoản vay và dòng tiền, bảo đảm nguồn lực tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh ổn định, kịp thời.

7. Tăng cường bảo đảm an toàn lao động, an ninh trật tự, PCCC và môi trường: Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn – vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; chủ động nhận diện và kiểm soát các nguy cơ mất an toàn trong sản xuất; bảo vệ tài sản, thiết bị, phương tiện và địa bàn hoạt động; thực hiện tốt các giải pháp bảo vệ môi trường trong toàn Công ty.

8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thi đua và xây dựng văn hóa doanh nghiệp: Tăng cường công tác tuyên truyền trong tình hình mới nhằm tạo sự đồng thuận cao; làm tốt công tác tư tưởng, phát huy vai trò của hệ thống chính trị; đẩy mạnh phong trào thi đua, khen thưởng kịp thời; tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động; tiếp tục xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp, văn hóa con người vật tư.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026, rất mong nhận được sự thông qua, phê chuẩn, chỉ đạo tạo điều kiện mọi mặt của Quý cổ đông để Công ty triển khai thực hiện hoàn thành Kế hoạch SXKD năm 2026 đã đề ra./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty (Website MTS);
- Đảng ủy, HĐQT, BKS (e-copy);
- BGD, KTT (e-copy);
- Các Phòng, PX Công ty;
- Lưu VP, HĐQT.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Mạnh Toàn

C.P.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2025

PHẦN I: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2025	01/01/2025
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	583.613.501.890	495.468.685.098
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	27.420.692.847	24.622.294.699
1	Tiền	111	27.420.692.847	24.622.294.699
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	440.661.509.315	338.764.164.866
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	421.096.835.300	337.489.507.103
	- Trong Tập đoàn		412.328.247.698	326.047.126.540
	- Ngoài Tập đoàn		8.768.587.602	11.442.380.563
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	18.691.495.177	141.100.905
	- Ngoài Tập đoàn		18.691.495.177	141.100.905
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	873.178.838	1.133.556.858
IV	Hàng tồn kho	140	111.331.529.491	124.706.062.160
1	Hàng tồn kho	141	111.331.529.491	124.706.062.160
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	4.199.770.237	7.376.163.373
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.097.961.388	4.467.476.200
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.668.902.218
3	Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	153	2.101.808.849	239.784.955
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	65.077.585.907	82.294.203.724
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	45.000.000	175.000.000
6	Phải thu dài hạn khác	216	45.000.000	175.000.000
II	Tài sản cố định	220	55.678.071.338	62.803.105.656
1	Tài sản cố định hữu hình	221	55.304.857.535	62.803.105.656
	- Nguyên giá	222	516.943.987.855	548.555.712.706
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	- 461.639.130.320	- 485.752.607.050
3	Tài sản cố định vô hình	227	373.213.803	-
	- Nguyên giá	228	462.471.670	
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	- 89.257.867	
III	Bất động sản đầu tư	230		
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	1.141.075.342	9.285.946.000
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	1.141.075.342	9.285.946.000
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		
VI	Tài sản dài hạn khác	260	8.213.439.227	10.030.152.068
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	6.273.185.853	10.030.152.068
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1.940.253.374	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	648.691.087.797	577.762.888.822

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2025	01/01/2025
A	NỢ PHẢI TRẢ	300	466.275.729.715	401.420.984.213
I	Nợ ngắn hạn	310	443.987.939.715	389.378.803.908
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	229.029.834.771	218.655.759.428
	- Trong Tập đoàn			344.512.100
	- Ngoài Tập đoàn		229.029.834.771	218.311.247.328
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	266.384.837	133.581.523
	- Ngoài Tập đoàn		266.384.837	133.581.523
3	Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	5.786.845.440	3.889.627.174
4	Phải trả người lao động	314	42.396.611.721	38.724.557.437
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3.382.564.222	979.131.123

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2025	01/01/2025
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	1.553.300.303	795.830.770
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	153.559.448.702	118.872.928.660
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	3.002.443.000	
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.010.506.719	7.327.387.793
II	Nợ dài hạn	330	22.287.790.000	12.042.180.305
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.287.790.000	12.042.180.305
13	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	182.415.358.082	176.341.904.609
I	Vốn chủ sở hữu	410	182.415.358.082	176.341.904.609
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	150.000.000.000	150.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	150.000.000.000	150.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	10.670.489.183	10.670.489.183
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21.744.868.899	15.671.415.426
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		675.082.032
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	21.744.868.899	14.996.333.394
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	648.691.087.797	577.762.888.822

PHẦN II: KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2025	NĂM 2024
1	Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.132.870.280.887	4.081.023.564.895
	Doanh thu bán hàng	4.026.254.110.942	3.974.191.276.996
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	106.616.169.945	106.832.287.899
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	12.096.962	411.177.053
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.132.858.183.925	4.080.612.387.842
4	Giá vốn hàng bán	3.932.687.606.077	3.903.530.029.385
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	200.170.577.848	177.082.358.457
6	Doanh thu hoạt động tài chính	84.392.471	82.721.090
7	Chi phí hoạt động tài chính	9.844.771.899	7.264.784.810
8	Chi phí bán hàng	108.048.200.996	92.444.513.966
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	71.322.100.565	55.124.359.351
10	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	11.039.896.859	22.331.421.420
11	Thu nhập khác	17.575.431.336	1.204.015.886
12	Chi phí khác	1.049.640.584	3.963.893.788
13	Lợi nhuận khác	16.525.790.752	- 2.759.877.902
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.565.687.611	19.571.543.518
15	CP thuế TNDN	5.820.818.712	4.575.210.124
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.744.868.899	14.996.333.394
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.450	1.000
18	Cổ tức	8%	7%

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- HĐQT, BKS, Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: HĐQT, KTTC, VP.



Phòng kế toán tài chính
Kế toán trưởng

Hoàng Xuân Tùng

Số: 11/BC-HĐQT-MTS

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật tư - TKV;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ
phần Vật tư - TKV số 01/25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2025;*

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư - TKV kính trình Đại hội đồng cổ
đông thông qua phương án trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

1. Lợi nhuận trước thuế năm 2025:	27.565.687.611 đồng
2. Chi phí thuế TNDN:	5.820.818.712 đồng
3. Lợi nhuận sau thuế còn lại để phân phối:	21.744.868.899 đồng
a) Trả cổ tức (8%/vốn điều lệ):	12.000.000.000 đồng
b) Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức:	
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, NQL:	9.744.868.899 đồng

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty (Website MTS);
- Đảng uỷ, HĐQT, BKS (e-copy);
- BGĐ, KTT (e-copy);
- Các Phòng, PX Công ty;
- Lưu VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Đăng Phú

Số: 06 /BC-BKS

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Về việc thẩm định báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính năm 2025, phương án phân phối lợi nhuận của Công ty cổ phần Vật tư - TKV

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17/06/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty cổ phần Vật tư - TKV đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/04/2025.

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty ban hành tại Quyết định số 1102/QĐ-BKS, ngày 29/04/2021.

Căn cứ báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2025, Báo cáo phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận do Công ty cổ phần Vật tư - TKV lập và Báo cáo kiểm toán số 030326.001/BCTC.KT8 ngày 03/03/2026 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC về việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

Ban Kiểm soát Công ty đã thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2025. Ban Kiểm soát Công ty báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 về kết quả thẩm định như sau:

1. Về báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2025:

- Số liệu kế toán và hạch toán kế toán, lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31/12/2025, các báo cáo tài chính của Công ty lập là phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, cũng như các quy định, hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Ban Kiểm soát Công ty thống nhất với số liệu kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện.



2. Một số chỉ tiêu về kết quả SXKD, tài chính đánh giá trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN NĂM 2025	TỶ LỆ %
1	Sản phẩm chủ yếu				
a	Dịch vụ cung ứng				
	- Xăng	1000 L	3.840	3.957	109
	- Dầu Diesel	1000 L	180.000	201.194	112
	- Dầu nhờn, mỡ máy	1000 L	1.570	1.559	99
b	Dịch vụ cảng				
	- Bốc xếp	tấn	1.600.000	1.795.436	112
	- Vận tải thủy	tấn	600.000	455.366	76
c	Tiêu thụ dầu nhờn Cominlub	1000 L	4.000	3.624	91
2	Tổng doanh thu	trđ	3.950.100	4.150.530	105
3	Giá trị sản xuất	trđ	471.100	502.682	107
4	Lợi nhuận	trđ	20.000	27.566	138
5	Tiền lương bình quân	1000đ/ng-th	12.445	13.316	107
6	Trả cổ tức	%/Vốn ĐL	6÷8%	8%	Đạt

2.2. Một số chỉ tiêu tài chính:

a) Một số chỉ tiêu tài chính đánh giá khả năng sinh lời:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2025 là 13,53%, tăng 3,79% so với cùng kỳ năm trước (năm 2024 là 9,74%).

+ Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản (ROA) năm 2025 là 3,54%, tăng 1,05% so với cùng kỳ năm trước (năm 2024 là 2,49%).

b) Một số chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán:

+ Hệ số Khả năng thanh toán nợ đến hạn thời điểm ngày 31/12/2025 là 1,31 lần, cao hơn 0,15 lần so với Kế hoạch năm 2025 (TKV đã thông qua theo công văn số 354/TKV-KTTC ngày 21/01/2025 và QĐ số 760/QĐ-MTS ngày 07/02/2025 của MTS là 1,16 lần).

+ Hệ số Khả năng thanh toán nhanh tại thời điểm ngày 31/12/2025 là: 1,06 lần, tăng 0,11 lần so với thời điểm ngày 31/12/2024.

c) Một số chỉ tiêu về cân đối nợ:

- Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH tại thời điểm ngày 31/12/2025 là 2,53 lần, tăng 0,3 lần so với thời điểm ngày 31/12/2024, thấp hơn 1,33 lần so với Kế hoạch năm 2025 (TKV đã thông qua theo công văn số 354/TKV-KTTC ngày 21/01/2025 và QĐ số 760/QĐ-MTS ngày 07/02/2025 của MTS là 3,86 lần).

d) Về bảo toàn và phát triển vốn.

- Vốn chủ sở hữu:

+ Số đầu kỳ (01/01/2025): 176.342 triệu đồng

+ Số tăng trong kỳ: 21.744 triệu đồng

+ Số giảm trong kỳ: 15.671 triệu đồng

+ Số cuối kỳ (31/12/2025): 182.415 triệu đồng

- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 27.566 triệu đồng/kế hoạch năm 2025 giao 20.000 triệu đồng bằng 138% so với KH giao.

Đánh giá: Sau khi thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, Công ty vẫn đảm bảo SXKD có lãi. Năm 2025, Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của TKV và cổ đông nói chung tại Công ty.

3. Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, Công ty Cổ phần Vật tư - TKV đánh giá xếp loại doanh nghiệp loại B, Công ty dự kiến thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Giá trị
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2025	27.566
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	21.745
3	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối	21.745
3.1	Trả cổ tức (8%/ vốn điều lệ)	12.000
3.2	Trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	9.745

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm định báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2025, phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV, Ban kiểm soát Công ty báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Vật tư - TKV xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Ban GD;
- Lưu: VP, BKS, HĐQT.



Trần Thanh Tùng



Số: 01/26/NQ-ĐHĐCĐ

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 4 năm 2026

Dự thảo



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020.

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV.

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số: 01/26/BB-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2026 của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các Báo cáo được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, bao gồm:

1.1. Thông qua Báo cáo Kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2026. (Theo Báo cáo số: 1879/BC-MTS ngày 21/4/2026)

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN NĂM 2025	TỶ LỆ %
1	Sản phẩm chủ yếu				
	- Xăng	1000 L	3.840	3.957	103%
	- Dầu Diesel	1000 L	180.000	201.194	112%
	- DN,MM	1000 L	1.570	1.559	99%
	- Bốc xếp	tấn	1.600.000	1.795.436	112%
	- Vận tải thủy	tấn	600.000	455.366	76%
	- Tiêu thụ dầu nhờn COM	1000 L	4.000	3.624	91%
2	Tổng doanh thu	trđ	3.950.100	4.150.530	105%
3	Giá trị sản xuất	trđ	471.100	502.682	107%
*	GTSX tính lương	trđ	471.100	485.022	103%
4	Tổng chi phí trong kỳ	trđ	451.100	475.116	105%
5	Lợi nhuận	trđ	20.000	27.566	138%
6	Tiền lương bình quân	1000đ/ng-th	12.445	13.316	107%
7	Trả cổ tức	%/Vốn ĐL	6÷8%	8%	Đạt

1- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Kế hoạch Đầu tư năm 2026 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2026
A	Kế hoạch SXKD		
1	Chỉ tiêu hiện vật		
	- Xăng	1000 L	3.800
	- Dầu Diesel	1000 L	180.000
	- DN, MM	1000 L	1.500
	- Bốc xếp	Tấn	1.450.000
	- Vận tải thủy	Tấn	640.000
	- Tiêu thụ dầu nhờn COM	1000 L	4.100
2	Tổng doanh thu	Trđ	3.840.390
3	Giá trị sản xuất	Trđ	460.672
4	Lợi nhuận	Trđ	21.530
5	Lao động bình quân	Người	570
6	Tiền lương bình quân	1000đ/ng-th	13.828
B	Kế hoạch trả cổ tức	% Vốn điều lệ	≥ 7 %
C	Kế hoạch đầu tư		
1	Mua sắm đoàn phương tiện thủy	Trđ	33.029
2	Xây dựng kho trung chuyển, Bến nhập dầu	Trđ	1.242
3	Nâng cao năng lực vận tải phương tiện thủy năm 2026	Trđ	8.705
4	Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2026	Trđ	22.946

Ghi chú: Sản lượng; Doanh thu; Giá trị sản xuất; Giá trị tổng mức đầu tư sẽ được điều chỉnh cho phù hợp sau khi Công ty dự kiến thực hiện kế hoạch năm và hoàn thiện các đề án khả thi thực hiện trong năm thông qua Hội đồng quản trị Công ty trình Tập đoàn TKV phê duyệt thực hiện nhằm đảm bảo kết quả thi đua toàn Công ty.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị ban hành Quyết định Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2026, Quyết định Kế hoạch đầu tư năm 2026 để Công ty tổ chức thực hiện. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ sự biến động của thị trường, đặc thù công việc để điều chỉnh Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2026 và Kế hoạch đầu tư năm 2026 khi điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty có sự thay đổi hoặc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam điều chỉnh bổ sung (tăng/giảm) chỉ tiêu chủ yếu trong Kế hoạch phối hợp kinh doanh, nhưng việc điều chỉnh kế hoạch của Hội đồng quản trị phải đảm bảo lợi nhuận thực hiện không thấp hơn lợi nhuận kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

1.2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2025 về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Phương hướng, nhiệm vụ năm 2026. (Theo Báo cáo số: 05/BC-HĐQT-MTS ngày 03/4/2026).

1.3. Thông qua Báo cáo Quyết toán thù lao, phụ cấp, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025; kế hoạch trả thù lao, phụ cấp, tiền lương Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026. (Theo Báo cáo số: 06/BC-HĐQT-MTS ngày 03/4/2026).

- Đại hội đồng cổ đông thông qua Quyết toán thù lao, phụ cấp, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 với tổng số tiền là: 836.428.000 đồng, cụ thể như sau:

- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

Chức danh	Số người	Mức thù lao kế hoạch tháng (đồng)	Thù lao thực hiện năm (đồng)
Chủ tịch HĐQT: 1. Phạm Đăng Phú: 12 tháng;	01	5.140.000	61.680.000
Trưởng ban KS: 1. Trần Thanh Tùng: 12 tháng;	01	4.580.000	54.960.000
Thành viên HĐQT: 1. Tạ Quang Tuấn: 0,5 tháng; 2. Nguyễn Mạnh Toàn: 8 tháng; 3. Lê Dũng: 12 tháng; 4. Đặng Hoài Nam: 12 tháng	04	4.380.000	142.350.000
Thành viên BKS: 1. Hoàng Kiên: 12 tháng; 2. Phạm Thị Ngọc Bích: 12 tháng;	02	4.380.000	105.120.000
Tổng số	08		364.110.000

- Tiền lương của thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị:

Chức danh	Số người	Mức tiền lương kế hoạch tháng (đồng)	Thù lao thực hiện năm (đồng)
Thành viên HĐQT chuyên trách: Nguyễn Thế Hùng: 12 tháng;	01	32.850.000	472.318.000
		Quyết toán tiền lương của người quản lý tăng theo lợi nhuận = 20%	

- Đại hội đồng cổ đông đồng ý mức kế hoạch trả thù lao, phụ cấp, tiền lương Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026 của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số lượng (người)	Tiền lương giao khoán 01 tháng (đồng)	Thù lao 01 tháng (đồng)
I	Hội đồng quản trị	05		
1	Chủ tịch	1		5.140.000
2	TV-HĐQT kiêm nhiệm	2		4.380.000
3	TV-HĐQT chuyên trách	1	32.850.000	
4	TV-HĐQT	1		4.380.000
II	Ban kiểm soát	03		
1	Trưởng ban KS	1		4.580.000
2	Thành viên BKS	2		4.380.000

* Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách hưởng lương tương đương mức lương Phó giám đốc Công ty.

*** Phương thức chi trả:**

- Tiền lương Hội đồng quản trị được tạm ứng hàng tháng 80%. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty và mức độ hoàn thành công việc, Công ty thanh toán số tiền còn lại cho chức danh Hội đồng quản trị.

- Thù lao:

+ Đối với các chức danh kiêm nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là người của Công ty, hàng tháng tạm thanh toán 80% mức thù lao kiêm nhiệm. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty và mức độ hoàn thành công việc, Công ty thanh toán số thù lao còn lại cho các chức danh.

+ Đối với các chức danh kiêm nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là người đại diện của Tập đoàn, hàng quý Công ty tạm thanh toán 80% tiền thù lao kiêm nhiệm và chuyển khoản về tài khoản của Tập đoàn. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành công việc của các chức danh, Công ty quyết toán tiền thù lao kiêm nhiệm còn lại cho các chức danh và chuyển khoản về Tập đoàn theo quy định.

1.4. Thông qua Tờ trình về việc thông qua danh sách ký các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm 2026. (Theo Tờ trình số: 07/TTr-HĐQT-MTS ngày 03/4/2026)

1.5. Thông qua Báo cáo phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2025. (Theo Báo cáo số: 11/BC-HĐQT-MTS ngày 21/4/2026)

Đại hội đồng cổ đông thống nhất tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025 là 8% vốn điều lệ (tương đương 800 đồng/cổ phần) và phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (Triệu đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2025	27.565.687.611
2	Chi phí thuế TNDN	5.820.818.712
3	Lợi nhuận sau thuế còn lại để phân phối	21.744.868.899
a	Trả cổ tức (8%/vốn điều lệ)	12.000.000.000
b	Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức	9.744.868.899
	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, NQL	9.744.868.899

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quyết định chi trả cổ tức năm 2025. Đồng thời hoàn thiện thủ tục và thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông vào cuối Quý II năm 2026 theo quy định của Pháp luật, của Tập đoàn TKV và của Công ty.

1.6. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. (Theo Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2025)

1.7. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thẩm định báo cáo kết quả Sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2025, phương án phân phối lợi nhuận của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV. (Theo Báo cáo số: 06/BC-BKS ngày 21/4/2026)

1.8. Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành Công ty năm 2025. (Theo Báo cáo số: 04/BC-BKS ngày 13/3/2026)

1.9. Thông qua Tờ trình về việc đề xuất phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026. (Theo Báo cáo số: 03/BC-BKS ngày 13/3/2026)

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026, gồm:

- (1). Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- (2). Công ty TNHH kiểm toán VACO.
- (3). Công ty TNHH Kiểm toán và định giá quốc tế (IAV).

Đại hội đồng cổ đông căn cứ danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 nêu trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành hoạt động kiểm toán Công ty năm 2026 dựa trên những điều khoản và thỏa thuận của Hội đồng quản trị.

Trong trường hợp không thống nhất được với các Công ty kiểm toán trên về nội dung hợp đồng và mức phí kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông Công ty ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn trong số các Công ty kiểm toán còn lại trong danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đã được việc chấp thuận doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 của Ủy ban chứng khoán tại Quyết định số 902/QĐ-UBCK ngày 19/11/2025, để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính năm 2026 của Công ty theo quy định hiện hành.

Điều 2. Triển khai thực hiện Nghị quyết:

Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tổ chức vào ngày 24/4/2026 biểu quyết thông qua.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này tới Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên năm 2027./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước (qua mạng CBTT, b/c);
- SGDCK Hà Nội (qua mạng CBTT, b/c);
- Tập đoàn TKV (b/c);
- Các cổ đông Công ty (e-copy);
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Ban Giám đốc, KTT (e-copy);
- Đảng ủy, Công đoàn, ĐTN, CCB (e-copy);
- Các Phòng, Phân xưởng Công ty (e-copy);
- Lưu: VP, HĐQT.

**Phạm Đăng Phú
Chủ tịch Hội đồng quản trị**

No.: 10/2026/NQ-HĐQT-MTS

Quang Ninh, April 21, 2026

RESOLUTION

On the amendment of the contents of voting materials at the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Vinacomin – Materials Trading Joint Stock Company

BOARD OF DIRECTORS VINACOMIN – MATERIALS TRADING JOINT STOCK COMPANY

*Pursuant to the Charter on Organization and Operation of Vinacomin –
Materials Trading Joint Stock Company.*

*Pursuant to Official Letter No. 2741/TKV-KSNB dated April 21, 2026 of
Vietnam National Coal and Mineral Industries Holding Corporation Limited (TKV)
regarding the organization of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of
Vinacomin – Materials Trading Joint Stock Company.*

*Pursuant to Minutes of the Board of Directors' Meeting No. 03/2026/BB-
HĐQT-MTS dated April 21, 2026 of the Board of Directors of Vinacomin –
Materials Trading Joint Stock Company.*

RESOLVES:

Article 1. The Board of Directors of Vinacomin – Materials Trading Joint
Stock Company has discussed and unanimously agreed as follows:

1. The Board of Directors approves the amendment of the contents of the
voting materials at the 2026 Annual General Meeting of Shareholders, specifically as
follows:

- Report on Business Performance in 2025 and Business Plan for 2026.
- Audited Financial Statements for 2025 (Summary).
- Report on Dividend Payment Plan and Profit Distribution for 2025.
- Report of the Board of Supervisors on the appraisal of the 2025 Business
Performance Report, Financial Statements, and Profit Distribution Plan of
Vinacomin - Materials Trading Joint Stock Company.


2. Reason for amendment: In accordance with the opinion of the major
shareholder, Vietnam National Coal and Mineral Industries Holding Corporation
Limited (TKV), regarding the review and update of data in the voting materials at
the 2026 Annual General Meeting of Shareholders to ensure the optimization of
shareholders' interests and alignment with the Company's actual situation.

3. The Chairman of the Board of Directors is authorized to sign and issue the
amended documents to be presented at the 2026 Annual General Meeting of
Shareholders in compliance with applicable laws and the Company's Charter.



Article 2. This Resolution shall take effect from the date of signing.

Article 3. Members of the Board of Directors, the Board of Management, the Chief Accountant, and relevant departments and units shall be responsible for implementing this Resolution./.

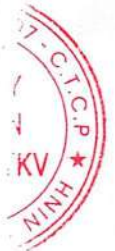
Recipients: 

- As stated in Article 3 (e-copy);
- Party Committee (e-copy);
- Supervisory Board (e-copy);
- Archived at: Administration Department, Company Secretary.

**ON BEHALF OF THE BOARD OF
DIRECTORS
CHAIRMAN**



Pham Dang Phu



No.: 1879 /BC-MTS

Quang Ninh, April 21, 2026

REPORT
BUSINESS PERFORMANCE RESULTS FOR 2025 AND
BUSINESS PLAN FOR 2026

PART ONE
PERFORMANCE RESULTS OF THE BUSINESS PLAN FOR 2025

I. GENERAL OVERVIEW

1. Advantages

In its production and business operations in 2025, the Company identifies three fundamental advantages.

- Firstly, as a member unit of TKV, performing logistics functions for coal production and trading, VINACOMIN - Materials Trading Joint Stock Company has consistently received attention, support, favorable conditions, as well as close and timely direction from Vietnam National Coal and Mineral Industries Group, the Quang Ninh Coal Party Committee, socio-political organizations within TKV, and the cooperation and support of TKV member units in using the goods and services provided by the Company, such as petroleum, Cominlub lubricants, materials and spare parts, industrial garment products, cargo handling services, and inland waterway coal transportation services;...

- Secondly, positive changes in the production organization model, streamlined organizational structure, improved management practices, and strict compliance with discipline and regulations by the management team and employees across the Company; along with consistent and coordinated direction from the Party Committee and the Board of Directors, and the strong determination of the Company's executive management;.

- Thirdly, a workforce of more than 600 dedicated, skilled, and experienced employees, who have made significant contributions to the Company's production and business performance.

2. Challenges

- The global and regional situation continued to experience complex developments, and fluctuations in petroleum prices have affected the Company's two business segments, namely petroleum supply and the production of Cominlub lubricants..

- The Company continues to implement its restructuring roadmap in accordance with the plan approved by TKV; workforce planning and the reorganization of labor, especially indirect labor, remain among the Company's challenges.

- Unexpected extreme weather conditions and prolonged rainy and stormy seasons have also impacted the Company's production and business operations.

II. IMPLEMENTATION RESULTS:

1. Production and Business Performance Results for 2025

No.	Indicators	Unit	Plan 2025	Implementation on 2025	Percentage %
1	Key Products and Services				
	- Gasoline	1000 L	3.840	3.957	103%
	- Diesel Oil	1000 L	180.000	201.194	112%
	- Lubricating oil and grease	1000 L	1.570	1.559	99%
	- Loading and unloading	Ton	1.600.000	1.795.436	112%
	- Waterway Transportation	Ton	600.000	455.366	76%
	- Consumption of COM lubricants	1000 L	4.000	3.624	91%
2	Total Revenue	Million dong	3.950.100	4.150.530	105%
3	Production Value	Million dong	471.100	502.682	107%
*	<i>Production Value for Wage Calculation</i>	Million dong	<i>471.100</i>	<i>485.022</i>	<i>103%</i>
4	Total Expenses for the Period	Million dong	451.100	475.116	105%
5	Profit	Million dong	20.000	27.566	138%
6	Average Salary	1000VND/person/month	12.445	13.316	107%
7	Dividend Payment	%/ Charter Capital	6÷8%	8%	Achieved

2. Assessment of Production Performance in 2025

2.1. Petroleum trading activities

The storage and supply of petroleum for coal production is the most important task assigned by TKV to the Company, with the requirement to ensure sufficient, timely, and uninterrupted supply under all circumstances. The Company has arranged fuel supply points at convenient locations within mining sites, helping to reduce mobilization costs for customers. The delivery of fuel directly to each customer's vehicle (retail supply) using specialized tanker trucks has been a key focus, with the Company investing in new and modern vehicles. In 2025, the Company closely monitored petroleum price fluctuations, balanced supply sources, maintained safe inventory levels, and supplied 201.1 million liters of DO fuel to units both within and outside TKV, making an important contribution to TKV's coal production and business activities

2.2. Production and consumption of Cominlub lubricants

The Company has implemented a range of comprehensive measures to strengthen management and supervision of input material quality, production processes, and output products, while also focusing resources on sales and after-sales services to maintain and expand its market. It has invested in research and production of high-grade lubricants meeting international standards for modern and heavy-duty vehicles, continued to diversify products using various raw material sources to reduce costs, and invested in modern machinery and equipment for the Laboratory - SXDN 12/11 Workshop (Vilas 256) to enhance research and testing capacity.

In 2025, Cominlub lubricant consumption reached 3.624 million liters, equivalent to 91% of the production and business plan and 97% compared to 2024. The main reason was the gradual decline in open-pit mining, with operations increasingly shifting to underground mining, leading to reduced demand for Cominlub lubricants for mining machinery and equipment. In addition, some units have not fully supported the use of Cominlub lubricants in accordance with TKV's production and business plan. Intense competition from major lubricant brands (CAT, Komatsu, Castrol, Mobil, Fuchs, Total, etc.) and warranty oils for machinery and equipment has also created significant challenges in marketing and expanding the market.

2.3. Cargo handling and inland waterway transportation activities

Cargo handling activities: In 2025, cargo handling volume reached 1.795 million tons against the planned 1.6 million tons, achieving 112% of the plan, including 1.037 million tons of coal cargo and 759 thousand tons of non-coal cargo. The lower coal handling volume was due to joint ventures participating in bidding for cargo handling; vessels equipped with cranes for coal transportation have been decreasing, while most customers hire vessels without cranes and use floating cranes for coal loading and unloading. However, the Company proactively sought and expanded markets outside TKV, handling ore, corn, and clinker, thereby increasing output beyond the assigned plan.

Inland waterway transportation activities: In 2025, the Company carried out coal transportation and transshipment in compliance with TKV regulations. Inland waterway transport volume reached 455 thousand tons against the planned 600 thousand tons, achieving 76% of the annual plan. The main reason was the impact of abnormal and extreme weather conditions in 2025, with prolonged heavy rainfall over a wide area, which reduced coal transportation to power plants. In addition, the Ha Bac Fertilizer Plant suspended operations for two months during the year, which also affected the Company's coal transportation volume.

2.4. Production of protective workwear and mine ventilation ducts

This is a traditional business line of the Company. In 2025, the Company produced and supplied customers with nearly 50,000 sets of protective workwear of various types and nearly 113,000 meters of mine ventilation ducts, generating revenue of VND 40.6 billion. Product quality and after-sales services were well maintained and trusted by customers. The Company also invested in additional synchronized sewing equipment and organized training for sewing workers in production lines to improve labor productivity and enhance product quality.

2.5. Planning, cost management, and production operations.

Based on the coordinated business plan with TKV, the Company assigned targets to its units in alignment with each unit's resources. During implementation, the Company closely monitored production progress, promptly addressed arising difficulties and obstacles, and ensured smooth and coordinated operations. It also closely tracked prices of petroleum, base oil, and additives to maintain inventory at safe and reasonable levels, enabling it to capitalize on rising fuel prices while minimizing risks when prices declined, thereby ensuring business efficiency.

Regarding cost management, the Company pursued cost-saving measures, reduced production costs, and ensured the profit targets set by TKV and the General Meeting of Shareholders were achieved. On a monthly and quarterly basis, the Company conducted inspections and acceptance of revenue and cost performance at its units under the internal contracting mechanism, ensuring that costs were aligned with revenue results of each unit and that overall business efficiency was maintained. In 2025, total production value reached VND 502.68 billion, costs amounted to VND 475.1 billion, and profit reached VND 27.566 billion, achieving 138% of the plan.

2.6. Investment activities.

With the objectives of maintaining the Company's production capacity; gradually supplementing and replacing outdated, inefficient equipment and vehicles; improving the quality of services provided to units within and outside TKV; and stabilizing production while ensuring employment and income for employees.

In 2025, based on the investment plan approved by Vietnam National Coal and Mineral Industries Group and the Company's Board of Directors, VINACOMIN - Materials Trading Joint Stock Company implemented two projects: the 2025 Production Equipment Investment Project and the Fleet Procurement Project.

- TKV's investment plan for 2025:

+ Planned investment implementation: 42.502 million

VND

+ Planned investment disbursement: 21,451 million VND

- Company's implementation of the 2025 investment plan:

+ Actual investment implementation: 42,198 million VND

+ Actual investment disbursement: 29,621 million VND

2.6.1. Project: Investment in Equipment for Production in 2025:

- Investment scale:

No.	Investment items	Unit	Quantity
1	Accounting software	Set	01
2	Cargo truck (9–10 ton box truck with canopy and lifting equipment)	Unit	02
3	Boiler equipment (1,000–1,500 kg/h)	Unit	01
4	Fuel dispenser (6-nozzle type, 60–80 L/min)	Unit	03
5	Fuel dispenser (double-column type, 140 L/min)	Unit	04

- Total investment: 10,980 million VND
 - Of which:
 - + Equipment costs: 10,262 million VND
 - + Consulting and other costs: 718 million VND
- Funding sources: Commercial loans and owners' equity
- Planned investment implementation in 2025: 10,025 million VND
- Planned investment disbursement in 2025: 10,025 million VND
- Actual investment implementation in 2024: 0 million VND
- Actual investment implementation in 2025: 9,933 million VND
- Actual investment disbursement in 2025: 9,873 million VND
- Undisbursed amount in 2025: 60 million VND

(Consulting costs for auditing and verification of the completed project investment finalization report were completed at the end of December 2025 and will be disbursed in Q1/2026)

- Carried forward to 2026: 0 million VND

The project was basically completed in 2025..

2.6.2. Project: Procurement of inland waterway fleet

- Investment scale:

No.	Investment items	Unit	Quantity
1	Inland waterway fleet (each fleet includes: 01 pusher tug of 720 HP + 04 deck barges with a capacity of 1,000 tons)	Fleet	02

- Total investment: 72,031 million VND
 - Of which:
 - + Equipment costs: 66,584 million VND
 - + Consulting and other costs: 5,447 million VND
- Funding sources: Commercial loans and owners' equity
- Planned investment implementation in 2025: 32,477 million VND
- Planned investment disbursement in 2025: 11,426 million VND
- Actual investment implementation in 2024: 0 million VND
- Certified value of investment implementation in 2025: 32,265 million VND
- Actual investment disbursement in 2025: 19,748 million VND
- Carried forward to 2026: 33,029 million VND

In 2025, the Company confirmed the completed volume of 01 inland waterway fleet (each fleet includes: 01 pusher tug of 720 HP + 04 deck barges with a capacity of 1,000 tons) with the Contractor, recognizing an implementation value of 31,147 million VND. The Company is continuing to coordinate with the Contractor to accelerate the contract execution progress to ensure the project schedule, while implementing the contract in compliance with technical and quality requirements in accordance with the approved design and applicable regulations.

TÓM TẮT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025

Unit: million dong

No.	Contents	Plan		Implementation on 2025	
		Implementation	Disbursement	Implementation	Disbursement
	TOTAL	42,502	21,451	42,198	29,621
A	Official plan	42,502	21,451	42,198	29,621
1	Project: Investment in equipment for production in 2025	10,025	10,025	9,933	9,873
2	Project: Procurement of inland waterway fleet	32,477	11,426	32,265	19,748
B	Project preparation plan				

2.7. Financial and accounting activities

In 2025, financial and accounting activities effectively fulfilled the assigned tasks, ensuring a balanced financial structure to meet funding requirements and cover expenditures for production and business operations. The Company properly carried out internal debt offsetting within the Group, contributing to a reduction in bank loan balances and improving capital turnover, with no occurrence of overdue payables. The Company also developed, revised, and supplemented accounting and financial regulations in compliance with the regulations of the State and the Group. In addition, it proactively conducted periodic and ad hoc internal reviews and inspections on documentation and accounting practices to ensure full compliance with legal requirements.

2.8. Organization, labor, and payroll activities

- Organizational work: The Company continued restructuring its organizational model, reducing management layers. It merged two workshops with similar and complementary functions in production and business—Cargo Handling & Port Workshop and Inland Waterway Transport Workshop—into the Transport & Cargo Handling Workshop effective from September 1, 2025. At the same time, the Company is developing workforce norms, plans, and a roadmap for labor restructuring to reduce the proportion of managerial and support staff while increasing the proportion of technical workers in line with TKV's directives.

+ Reorganized the fuel supply model at two petroleum departments by eliminating the model of separate fuel stations (8 stations), allowing petroleum departments to directly manage supply points to save labor and enhance individual accountability. The 8 station managers were reassigned as heads of supply points, with responsibilities tied to inventory, storage, and distribution management.

+ Developed a restructuring plan for the Hanoi Branch, completing procedures to terminate its operation and convert it into the Hanoi Business Department effective from January 1, 2026.

- Personnel work: The Company fully and properly implemented personnel management tasks, including planning, appointments, reappointments, year-end performance evaluations, and developing internal personnel management regulations in accordance with the newly issued TKV regulations.

- Labor management: Labor management was decentralized based on the principles that (1) direct management and utilization of employees fall under the authority of department heads and workshop managers; and (2) reassignment of employees among units falls under the authority of the Company's Director. In 2025, based on workforce demand assessments at different times, the Company flexibly reassigned 47 employees among units, both meeting production requirements and accommodating employees' preferences; processed retirement for 28 employees; and handled termination of labor contracts for 18 cases.

- Training: The Company regularly selected and sent employees to training courses organized by Vinacomin Business Administration School and other training institutions to enhance knowledge and update new regulations across all areas. It also organized internal training and engaged qualified providers to deliver courses on occupational safety and hygiene in accordance with legal requirements.

- Payroll: The management and utilization of the salary fund, as well as salary payments to employees, were carried out in compliance with State and TKV regulations, strictly adhering to salary principles. Salaries for managerial staff were based on KPIs. Additional payments were provided to employees at the end of each quarter, at the mid-year point, and during holidays and Tet, serving as motivation to enhance labor productivity. In 2025, based on job position salary levels and TKV's salary scale system, the Company adjusted and increased job-based salaries and the salary base for social insurance contributions for all employees.

III. LIMITATIONS AND SHORTCOMINGS:

1. Limitations and Shortcomings

The results achieved in 2025 as mentioned above reflect the significant efforts and determination of all employees of the Company, along with the support and favorable conditions provided by TKV and the cooperation of customers and partners. However, during the course of production and business operations, the Company recognizes that there remain certain limitations and shortcomings that need to be seriously reviewed and addressed for 2026 and the following period.

- Inland waterway transportation volume was low and did not meet expectations.

- Consumption of Cominlub lubricants did not meet the 2025 production and business plan, and the full capacity of the lubricant plant has not been utilized; some units have not shown strong support for the consumption of industry materials.

2. Remedial Measures

- Focus on maximizing the capacity utilization of newly invested fleets; closely monitor production conditions to efficiently manage fleet rotation and operations.

- Intensify customer care, marketing, and product promotion activities; regularly update and capture information on customers, equipment volumes, and lubricant demand across all markets; expand consumption in external markets with a target of reaching 600–700 thousand liters per year. Maintain stable quality of Cominlub lubricants; continue research and development of high-quality products that meet the stringent requirements of heavy-duty equipment used in open-pit coal mining, as well as mechanized roof support systems in underground coal mining units; diversify common product lines to replace other brands' lubricants in the market. Continue research and optimization of product lines to reduce production costs and enhance the competitiveness of Cominlub lubricants.

IV. OVERALL ASSESSMENT

In 2025, due to complex developments in the global political and economic situation, disruptions in global supply chains, and unpredictable fluctuations in raw material and fuel prices, the Company's production and business activities were significantly affected. However, with the support and assistance from the Group, the Quang Ninh Coal Party Committee, the TKV Party Committee, and socio-political organizations within the Group, along with the cooperation of customers within TKV and the strong unity of all employees, combined with strengthened discipline and management practices and flexible solutions to promote production and business activities, the Company successfully exceeded key performance targets (such as production value, profit, wages, and labor productivity), while ensuring employment, livelihoods, and income for employees.

PART II
OBJECTIVES, TASKS, AND SOLUTIONS
FOR IMPLEMENTING THE 2026 PRODUCTION AND BUSINESS PLAN

I. ASSESSMENT OF THE SITUATION:

In 2026, the 14th National Congress of the Party will be held, along with elections for the National Assembly and People's Councils at all levels. It is also the first year of implementing the 2026–2030 five-year socio-economic development plan, marking the beginning of an era of robust and prosperous national growth, with double-digit growth expected from 2026 onward. This presents both opportunities and challenges for the Company.

Units in the coal industry are reducing their open-pit mining output, including Cao Son Coal Company and Deo Nai – Coc Sau Coal Company, which have scaled down production at the Coc Sau mine. Ha Tu Coal Company is also facing production difficulties, and some units are investing in new machinery and equipment while liquidating old assets. These factors will have a significant impact on the consumption of DO oil and Cominlub lubricants.

II. OBJECTIVES:

1. Objectives

The Company's objectives align with the Group's overall goals: SAFETY – UNITY – DEVELOPMENT – EFFICIENCY.

Key Indicators of the 2026 Production and Business Plan

No.	Indicators	Unit	Plan 2026
A	Production and Business Plan		
1	Physical Indicators		
	- Gasoline	1000 L	3.800
	- Diesel	1000 L	180.000
	- Lubricating oil and grease	1000 L	1.500
	- Cargo handling	Tấn	1.450.000
	- Water transportation	Tấn	640.000
	- Consumption of COM lubricants	1000 L	4.100
2	Total revenue	Million dong	3.840.390
3	Production value	Million dong	460.672
4	Profit	Million dong	21.530
5	Average workforce	Person	570
6	Average salary	1000VND/person/month	13.828
B	Dividend payment plan	%/ Charter Capital	≥ 7 %
C	Investment plan	Trđ	65.922
1	Procurement of inland waterway transport fleet	VND million	33.029
2	Construction of a transit warehouse and petroleum receiving terminal	VND million	1.242
3	Enhancement of inland waterway transport capacity in 2026	VND million	8.705
4	Investment in equipment for production operations in 2026	VND million	22.946

2. Mission

Vinacomin - Materials Trading JSC continues to perform the tasks assigned by TKV as the “logistics” unit for coal production, including supplying gasoline and diesel, providing spare parts, producing lubricants, cargo handling, water transport of coal, and manufacturing labor protection clothing and mine ventilation ducts, while simultaneously ensuring employment stability, increasing workers’ income, and guaranteeing dividend payments to shareholders..

Specific tasks include:

- Closely following the key indicators of the 2026 Business Coordination Plan of the Group.

- Stockpiling and supplying gasoline and diesel for the Group’s coal production on a continuous and regular basis, ensuring that fuel shortages never disrupt TKV’s production under any circumstances.

- Producing and supplying Cominlub lubricants to fully meet the needs of TKV units, securing a competitive advantage in the market, and distributing products to external markets beyond TKV.

- Expanding the cargo handling market beyond coal, optimizing the use and operation of the water transport fleet for coal, and seeking customers for spare parts to increase revenue, efficiency, and income in these sectors.

- Gradually moving towards a “lean workforce, high salary” model to improve employees’ income and living standards.

- Increasing revenue, reducing costs, and achieving profit targets to fulfill dividend obligations to shareholders, while allocating funds for bonuses, welfare, and development investment.

III. KEY SOLUTIONS FOR OPERATING AND MANAGING THE 2026 PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES

For the Company, 2026 sets the requirement to maintain stable operations in traditional business areas; expand the market for materials and services; promote digital applications in management and operations; improve the quality of human resources; ensure energy safety and security; and uphold the principles of democratic centralism, discipline, and rigor of the Party. The Company has developed management and operational solutions to accomplish these tasks and successfully achieve the above objectives, as detailed below.

1. Strengthening Leadership, Direction, and Supervision: Thoroughly disseminate and implement the Party’s and the Group’s resolutions and policies; apply the principle of “Clear personnel, clear tasks, clear responsibilities, clear results” in task assignment; enhance the effectiveness of regular and specialized inspections and supervision, ensuring discipline and order in management and operations.

2.Improving the Management Quality of Business Areas:

- Fuel supply: Proactively balance supply sources, maintain safe reserves; organize scientific and timely distribution; continue upgrading and completing the automated distribution system.

- Cargo handling and water transport: Maximize the exploitation of TKV coal resources; proactively develop markets beyond coal; establish reasonable contracting mechanisms for transport fleets to increase turnover and enhance operational efficiency.

- Production and consumption of Cominlub lubricants: Innovate technology and diversify raw materials; strengthen marketing, sales, and customer care; research and develop new products; expand the market beyond TKV.

3.Enhancing Cost Management and Practicing Economy: Strictly control costs in each sector; review and update technical-economic norms in a rational and advanced manner; implement comprehensive measures for cost-saving and waste prevention, linking responsibility to unit heads.

4.Promoting Investment, Technology Application, and Digital Transformation: Efficiently implement investment projects to maintain and develop production; invest in modern equipment and means, including a 4,800-ton barge fleet to enhance water transport capacity; strengthen the application of new technologies and management software; accelerate digital transformation in production, business, and corporate governance according to the planned roadmap.

5.Continuing Organizational Restructuring and Human Resource Development: Review and adjust the organizational model; streamline indirect, service, and auxiliary labor; maintain KPI-based performance evaluation and position-based salary; build a professional workforce to meet the model of “Lean enterprise – high productivity – good income.”

6.Financial and Accounting Activities: Ensure proper accounting in accordance with regulations; strengthen internal financial audits and controls; accelerate debt collection and capital turnover; strictly manage loans and cash flow to ensure timely and stable financial resources for business operations.

7.Strengthening Occupational Safety, Security, Fire Prevention, and Environmental Protection: Strictly comply with occupational safety, hygiene, and fire prevention regulations; proactively identify and control production hazards; protect assets, equipment, transport means, and operational areas; implement comprehensive environmental protection measures throughout the Company.

8.Promoting Communication, Emulation, and Corporate Culture: Enhance communication to build strong consensus; effectively manage personnel mindset and leverage the political system’s role; intensify emulation movements and timely rewards; organize cultural and sports activities to improve employees’ spiritual life; continue building and promoting corporate and human-centered culture at the Company.

The above summarizes the Company's 2025 business results and the 2026 production and business plan submitted to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders. We sincerely look forward to the approval, endorsement, and comprehensive support of the esteemed shareholders to enable the Company to successfully implement the 2026 Production and Business Plan as proposed./.

GENERAL DIRECTOR

Recipients:

- Shareholders of the Company (MTS Website);
- Party Committee, Board of Directors, Supervisory Board (e-copy);
- Board of Directors, Chief Accountant (e-copy);
- Departments, offices, and branches of the Company;
- Office, Board of Directors.



Nguyen Manh Toan

C.P.

SUMMARY FINANCIAL STATEMENTS FOR 2025

SECTION I: BALANCE SHEET

No.	ASSETS	Code	31/12/2025	01/01/2025
A	CURRENT ASSETS	100	583.613.501.890	495.468.685.098
I	Cash and cash equivalents	110	27.420.692.847	24.622.294.699
1	Cash	111	27.420.692.847	24.622.294.699
II	Short-term financial investments	120	-	-
III	Short-term receivables	130	440.661.509.315	338.764.164.866
1	Short-term trade receivables	131	421.096.835.300	337.489.507.103
	- Within the Group		412.328.247.698	326.047.126.540
	- Outside the Group		8.768.587.602	11.442.380.563
2	Short-term prepayments to suppliers	132	18.691.495.177	141.100.905
	- Outside the Group		18.691.495.177	141.100.905
6	Other short-term receivables	136	873.178.838	1.133.556.858
IV	Inventories	140	111.331.529.491	124.706.062.160
1	Inventories	141	111.331.529.491	124.706.062.160
V	Other short-term assets	150	4.199.770.237	7.376.163.373
1	Short-term prepaid expenses	151	2.097.961.388	4.467.476.200
2	Deductible VAT	152		2.668.902.218
3	Taxes and other receivables from the State budget	153	2.101.808.849	239.784.955
B	NON-CURRENT ASSETS	200	65.077.585.907	82.294.203.724
I	Long-term receivables	210	45.000.000	175.000.000
6	Other long-term receivables	216	45.000.000	175.000.000
II	Fixed assets	220	55.678.071.338	62.803.105.656
1	Tangible fixed assets	221	55.304.857.535	62.803.105.656
	- Historical costs	222	516.943.987.855	548.555.712.706
	- Accumulated depreciation (*)	223	- 461.639.130.320	- 485.752.607.050
3	Intangible fixed assets	227	373.213.803	-
	- Historical costs	228	462.471.670	
	- Accumulated amortization (*)	229	- 89.257.867	
III	Investment property	230		
IV	Long-term assets in progress	240	1.141.075.342	9.285.946.000
2	Construction in progress	242	1.141.075.342	9.285.946.000
V	Long-term financial investments	250		
VI	Other long-term assets	260	8.213.439.227	10.030.152.068
1	Long-term prepaid expenses	261	6.273.185.853	10.030.152.068
2	Deferred income tax assets	262	1.940.253.374	-
	TOTAL ASSETS (270=100+200)	270	648.691.087.797	577.762.888.822

TT	CAPITAL	Mã số	31/12/2025	01/01/2025
A	LIABILITIES	300	466.275.729.715	401.420.984.213
I	Current liabilities	310	443.987.939.715	389.378.803.908
1	Short-term trade payables	311	229.029.834.771	218.655.759.428
	- Within the Group			344.512.100
	- Outside the Group		229.029.834.771	218.311.247.328
2	Short-term prepayments from customers	312	266.384.837	133.581.523
	- Outside the Group		266.384.837	133.581.523
3	Taxes and other payables to State budget	313	5.786.845.440	3.889.627.174
4	Payables to employees	314	42.396.611.721	38.724.557.437
5	Short-term accrued expenses	315	3.382.564.222	979.131.123



TT	CAPITAL	Mã số	31/12/2025	01/01/2025
9	Other short-term payments	319	1.553.300.303	795.830.770
10	Short-term borrowings and finance lease liabilities	320	153.559.448.702	118.872.928.660
11	Provisions for short-term payables	321	3.002.443.000	
12	Bonus and welfare fund	322	5.010.506.719	7.327.387.793
II	Non-current liabilities	330	22.287.790.000	12.042.180.305
8	Long-term borrowings and finance lease liabilities	338	22.287.790.000	12.042.180.305
13	Science and Technology Development Fund	343		-
B	OWNER'S EQUITY	400	182.415.358.082	176.341.904.609
I	Owner's equity	410	182.415.358.082	176.341.904.609
1	Contributed capital	411	150.000.000.000	150.000.000.000
	- Ordinary shares with voting rights	411a	150.000.000.000	150.000.000.000
	- Preferred shares	411b		
8	Development and investment funds	418	10.670.489.183	10.670.489.183
9	Enterprise Restructuring Support Fund	419		
10	Other funds under equity	420		
11	Retained earnings	421	21.744.868.899	15.671.415.426
	- Retained earnings accumulated to previous year	421a		675.082.032
	- Retained earnings of the current year	421b	21.744.868.899	14.996.333.394
II	Funding sources and other funds	430		
	TOTAL CAPITAL (440=300+400)	440	648.691.087.797	577.762.888.822

SECTION II: RESULTS OF BUSINESS OPERATIONS

No.	INDICATOR	2025	2024
1	Revenue from sales of goods and rendering of services	4.132.870.280.887	4.081.023.564.895
	Revenue from sale of goods	4.026.254.110.942	3.974.191.276.996
	Revenue from rendering of services	106.616.169.945	106.832.287.899
2	Revenue deductions	12.096.962	411.177.053
3	Net revenue from sales of goods and rendering of services	4.132.858.183.925	4.080.612.387.842
4	Cost of goods sold and services rendered	3.932.687.606.077	3.903.530.029.385
5	Gross profit from sales of goods and rendering of services	200.170.577.848	177.082.358.457
6	Financial income	84.392.471	82.721.090
7	Financial expenses	9.844.771.899	7.264.784.810
8	Selling expenses	108.048.200.996	92.444.513.966
9	General and administrative expense	71.322.100.565	55.124.359.351
10	Net profit from operating activities	11.039.896.859	22.331.421.420
11	Other income	17.575.431.336	1.204.015.886
12	Other expense	1.049.640.584	3.963.893.788
13	Other profit	16.525.790.752	- 2.759.877.902
14	Total net profit before tax	27.565.687.611	19.571.543.518
15	Current corporate income tax expenses	5.820.818.712	4.575.210.124
16	Profit after corporate income tax	21.744.868.899	14.996.333.394
17	Basic earnings per share	1.450	1.000
18	Dividend	8%	7%

Recipients:

- Shareholders of the Company;
- BOD, BOS, Board of Management of the Company;
- Filed at: BOD, Finance and Accounting Department, Office.



Finance and Accounting Department
Chief Accountant

Hoang Xuan Tung

No.: 11/BC-HĐQT-MTS

Quang Ninh, April 21, 2026

REPORT
Plan for dividend payment and profit distribution for 2025

To: The 2026 Annual General Meeting of Shareholders of the Company

*Pursuant to the Charter on Organization and Operation of Vinacomin -
Materials Trading Joint Stock Company;*

*Pursuant to the Resolution of the 2025 Annual General Meeting of
Shareholders of Vinacomin - Materials Trading Joint Stock Company No. 01/25/NQ-
ĐHĐCĐ dated April 29, 2025;*

Pursuant to the Company's 2025 audited financial statements;

The Board of Directors of Vinacomin - Materials Trading Joint Stock
Company respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval
the plan for dividend payment and profit distribution for 2025 as follows:

1. Profit before tax in 2025:	27.565.687.611 VND
2. Corporate income tax expense:	5.820.818.712 VND
3. Remaining profit after tax available for distribution:	21.744.868.899 VND
a) Dividend payment (8%/charter capital):	12.000.000.000 VND
b) Remaining profit after dividend payment:	
+ Appropriation to the Reward, Welfare and Management Bonus Funds:	
9.744.868.899 VND	

Respectfully submitted to the General Meeting of Shareholders for
consideration and approval./.

Recipients:

- Shareholders of the Company (MTS Website);
- Party Committee, Board of Directors, Board of Supervisors (e-copy);
- Board of Management, Chief Accountant (e-copy);
- Departments, Workshops of the Company
- Archived at: Office, Board of Directors.

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN



Pham Dang Phu

REPORT

On the Appraisal of the Business Performance Report, the Financial Statements for 2025, and the Profit Distribution Plan of Vinacomin – Materials Joint Stock Company

To: The 2026 Annual General Meeting of Shareholders

Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the 14th National Assembly on June 17, 2020;

Pursuant to the Charter on Organization and Operations of Vinacomin – Materials Joint Stock Company as approved by the General Meeting of Shareholders on April 29, 2025;

Pursuant to the Regulations on the Operation of the Board of Supervisors of the Company issued under Decision No. 1102/QĐ-BKS dated April 29, 2021;

Pursuant to the Business Performance Report, the Financial Statements for 2025, the Report on the Dividend Payment and Profit Distribution Plan prepared by Vinacomin – Materials Joint Stock Company, and Audit Report No. 030326.001/BCTC.KT8 dated March 3, 2026 issued by AASC Auditing Firm Company Limited regarding the audit of the 2025 financial statements.

The Board of Supervisors has conducted an appraisal of the Company's business performance report, financial statements, and profit distribution plan for 2025. The Board of Supervisors hereby reports to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders on the appraisal results as follows:

1. Regarding the Business Performance Report and Financial Statements for 2025:

- The accounting data, accounting records, and the preparation and presentation of the Company's financial statements as at the end of the financial year on December 31, 2025 have been carried out in compliance with the prevailing Vietnamese Accounting Standards and accounting regime, as well as the regulations and guidelines of Vietnam National Coal and Mineral Industries Holding Corporation Limited.

- The Board of Supervisors concurs with the audited figures of the Company's 2025 financial statements as audited by AASC Auditing Firm Company Limited.

2. Key indicators of business performance and financial results assessed on the basis of the 2025 financial statements are as follows:



2.1. Performance of principal business and operational targets:

No	INDICATORS	Unit	2025 PLAN	2025 ACTUAL	% RATIO
1	Primary Products/Services				
a	Supply Services				
	- Gasoline	1000 L	3.840	3.957	109
	- Diesel Oil	1000 L	180.000	201.194	112
	- Lubricants and Grease	1000 L	1.570	1.559	99
b	Port Services				
	- Stevedoring (Loading/Unloading)	Tons	1.600.000	1.795.436	112
	- Inland Waterway Transport	Tons	600.000	455.366	76
c	Lubricant Consumption of Cominlub	1000 L	4.000	3.624	91
2	Total Revenue	Million VND	3.950.100	4.150.530	105
3	Gross Output Value	Million VND	471.100	502.682	107
4	Profit	Million VND	20.000	27.566	138
5	Average Monthly Salary	1,000 VND/person/month	12.445	13.316	107
6	Dividend Payout	%/Charter Capital	6÷8%	8%	Passed

2.2. Selected Financial Indicators:

a) Profitability indicators:

+ Return on Equity (ROE) in 2025 reached 13,53%, representing an increase of 3,79% compared to the previous year (9,74% in 2024).

+ Return on Assets (ROA) in 2025 reached 3,54%, an increase of 1,05% compared to the previous year (2,49% in 2024).

b) Liquidity indicators:

+ The current ratio as at December 31, 2025 was 1,31 times, exceeding the 2025 plan by 0,15 times (as approved by Vietnam National Coal and Mineral Industries Holding Corporation Limited under Official Letter No. 354/TKV-KTTC dated January 21, 2025 and Decision No. 760/QD-MTS dated February 7, 2025, with a planned ratio of 1,16 times).

+ The quick ratio as at December 31, 2025 was 1,06 times, increasing by 0,11 times compared to December 31, 2024.

c) Capital structure and leverage indicators:

- The debt-to-equity ratio as at December 31, 2025 was 2,53 times, an increase of 0,3 times compared to December 31, 2024, and 1,33 times lower than the 2025 plan (3,86 times), as approved by Vietnam National Coal and Mineral Industries Holding Corporation Limited under Official Letter No. 354/TKV-KTTC dated January 21, 2025 and Decision No. 760/QD-MTS dated February 7, 2025).

d) Capital preservation and development.

- Owners' equity:

+ Opening balance (January 1, 2025):	176.342 million VND
+ Increase during the period:	21.744 million VND
+ Decrease during the period:	15.671 million VND
+ Closing balance (31/12/2025):	182.415 million VND

- Profit before tax in 2025 reached 27.566 million VND, compared to the assigned plan of 20.000 million VND, equivalent to 138% of the planned target.

Assessment: After fulfilling its obligations to the State budget, the Company continued to maintain profitable business operations. In 2025, the Company successfully preserved and developed the investment capital of Vietnam National Coal and Mineral Industries Holding Corporation Limited and its shareholders in general.

3. Regarding the Profit Distribution Plan for 2025:

Based on the business performance in 2025, Vinacomin – Materials Joint Stock Company has been classified as a Category B enterprise and proposes the following profit distribution plan:

Unit: million VND

No.	Description	Amount
1	Profit before tax in 2025	27.566
2	Profit after tax in 2025	21.745
3	Total distributable profit after tax	21.745



3.1	Dividend payment (8% of charter capital)	12.000
3.2	Appropriation to Bonus and Welfare Funds	9.745

The above constitutes the report on the appraisal of the business performance report, the financial statements for 2025, and the profit distribution plan for 2025 of Vinacomin – Materials Joint Stock Company. The Board of Supervisors respectfully submits this report to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders for consideration and approval./.

**ON BEHALF OF THE BOARD OF SUPERVISORS
HEAD OF THE BOARD**

Recipients:

- As addressed above;
- BOD;
- Board of Management;
- Filed at: Office, Board of Supervisors, Board of Directors.



Fran Thanh Tung



VIETNAM NATIONAL COAL AND MINERAL
INDUSTRIES GROUP - VINACOMIN
VINACOMIN - MATERIALS TRADING JSC

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No.: 01/26/NQ-ĐHĐCĐ

Quang Ninh, March 24, 2026



RESOLUTION
2026 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
VINACOMIN - MATERIALS TRADING JOINT STOCK COMPANY

**GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF VINACOMIN -
MATERIALS TRADING JOINT STOCK COMPANY**

Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the 14th National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam at its 9th session on June 17, 2020.

Pursuant to the Charter on Organization and Operation of Vinacomin - Materials Trading Joint Stock Company.

Pursuant to the Minutes of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders No. 01/26/BB-ĐHĐCĐ dated April 24, 2026 of Vinacomin - Materials Trading Joint Stock Company.

RESOLVES:

Article 1. Approval of the Reports presented at the 2026 Annual General Meeting of Shareholders, including:

1.1. Approval of the Report on Business Performance in 2025 and Business Plan for 2026. (According to Report No. 1879/BC-MTS dated April 21, 2026)

Business performance results in 2025:

No.	Indicators	Unit	Plan 2025	Implementation on 2025	Percentage %
1	Key Products and Services				
	- Gasoline	1000 L	3.840	3.957	103%
	- Diesel Oil	1000 L	180.000	201.194	112%
	- Lubricating oil and grease	1000 L	1.570	1.559	99%
	- Loading and unloading	Ton	1.600.000	1.795.436	112%
	- Waterway Transportation	Ton	600.000	455.366	76%
	- Consumption of COM lubricants	1000 L	4.000	3.624	91%
2	Total Revenue	Million dong	3.950.100	4.150.530	105%
3	Production Value	Million dong	471.100	502.682	107%
*	<i>Production Value for Wage Calculation</i>	Million dong	471.100	485.022	103%
4	Total Expenses for the Period	Million dong	451.100	475.116	105%
5	Profit	Million dong	20.000	27.566	138%
6	Average Salary	1000VND/person/month	12.445	13.316	107%
7	Dividend Payment	%/ Charter Capital	6÷8%	8%	Achieved

1- Resolution 2026 annual general meeting of shareholders

Business Plan and Investment Plan for 2026 with the following key targets:

No.	Indicators	Unit	Plan 2026
A	Production and Business Plan		
1	Physical Indicators		
	- Gasoline	1000 L	3.800
	- Diesel	1000 L	180.000
	- Lubricating oil and grease	1000 L	1.500
	- Cargo handling	Tấn	1.450.000
	- Water transportation	Tấn	640.000
	- Consumption of COM lubricants	1000 L	4.100
2	Total revenue	Million dong	3.840.390
3	Production value	Million dong	460.672
4	Profit	Million dong	21.530
5	Average workforce	Person	570
6	Average salary	1000VND/person/month	13.828
B	Dividend payment plan	%/ Charter Capital	≥ 7 %
C	Investment plan	Trđ	65.922
1	Procurement of inland waterway transport fleet	VND million	33.029
2	Construction of a transit warehouse and petroleum receiving terminal	VND million	1.242
3	Enhancement of inland waterway transport capacity in 2026	VND million	8.705
4	Investment in equipment for production operations in 2026	VND million	22.946

Note: The production output, revenue, production value, and total investment value will be adjusted accordingly after the Company finalizes its annual plan and completes feasibility studies for implementation during the year. These adjustments will be submitted by the Board of Directors to the Vinacomin Group for approval and execution to ensure the overall emulation performance of the Company.

The General Meeting of Shareholders assigns the Board of Directors to issue the Decision on the 2026 Business Production Plan and the Decision on the 2026 Investment Plan for the Company's implementation. The General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to adjust the 2026 Business Production Plan and the 2026 Investment Plan based on market fluctuations and the specific nature of the work, in case of changes in the Company's business production conditions or adjustments (increase/decrease) to the key targets in the Business Cooperation Plan by the Vietnam National Coal and Mineral Industries Group. However, any adjustment to the plans by the Board of Directors must ensure that the realized profit shall not be lower than the planned profit approved by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.

1.2. Approval of the Report of the Board of Directors in 2025 on corporate governance and performance of the Board of Directors, and directions and tasks for 2026. (According to Report No. 05/BC-HĐQT-MTS dated April 3, 2026).

1.3. Approval of the Report on the Settlement of Remuneration, Allowances, and Salaries for members of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2025; and the Plan for Remuneration, Allowances, and Salaries for the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2026. (According to Report No. 06/BC-HĐQT-MTS dated April 3, 2026).

- The General Meeting of Shareholders approves the settlement of remuneration, allowances, and salaries for members of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2025 with a total amount of 836.428.000 VND, specifically as follows:

- Remuneration of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors:

Position	Number of persons	Planned monthly remuneration (VND)	Actual remuneration in 2025 (VND)
Chairman of the Board of Directors: 1. Pham Dang Phu: 12 months;	01	5.140.000	61.680.000
Head of the Board of Supervisors: 2. Tran Thanh Tung: 12 months;	01	4.580.000	54.960.000
Members of the Board of Directors: 1. Ta Quang Tuan: 0.5 month; 2. Nguyen Manh Toan: 8 months; 3. Le Dung: 12 months; 4. Dang Hoai Nam: 12 months;	04	4.380.000	142.350.000
Members of the Board of Supervisors: 1. Hoang Kien: 12 months; 2. Pham Thi Ngoc Bich: 12 months;	02	4.380.000	105.120.000
Total	08		364.110.000

- Salary for full-time members of the Board of Directors:

Position	Number of persons	Planned monthly salary (VND)	Actual remuneration in 2025 (VND)
Full-time member of the Board of Directors: Nguyen The Hung: 12 months	01	32.850.000	
		Finalization of management salary increased in line with profit = 20%	472.318.000

- The General Meeting of Shareholders approves the planned levels of remuneration, allowances, and salaries for the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2026 of the Company, specifically as follows:

No.	Position	Number of persons	Contracted monthly salary (VND)	Monthly remuneration (VND)
I	Board of Directors	05		
1	Chairman	1		5.140.000
2	Member of the Board of Directors (non-executive)	2		4.380.000
3	Full-time Member of the Board of Directors	1	32.850.000	
4	Member of the Board of Directors	1		4.380.000
II	Board of Supervisors	03		
1	Head of the Board of Supervisors	1		4.580.000
2	Member of the Board of Supervisors	2		4.380.000

* *Full-time members of the Board of Directors shall receive a salary equivalent to that of the Company's Deputy Director.*

*** Payment method:**

- Salaries for members of the Board of Directors shall be advanced monthly at 80%. At the end of the year, based on the Company's business production performance and the level of task completion, the Company shall settle the remaining amount for the Board of Directors positions.

- Remuneration:

+ For concurrent positions in the Board of Directors and the Board of Supervisors who are internal personnel of the Company, 80% of the concurrent position remuneration shall be temporarily paid monthly. At year-end, based on the Company's business production results and work performance, the Company shall settle the remaining remuneration for these positions.

+ For concurrent positions in the Board of Directors and the Board of Supervisors who are representatives of the Group, 80% of the concurrent position remuneration shall be temporarily paid quarterly and transferred to the Group's account. At year-end, based on business production results and individual task completion of these positions, the Company shall settle the remaining concurrent remuneration for these positions and transfer it to the Group in accordance with regulations.

1.4. Approval of the Proposal regarding the list of contracts and transactions to be signed between the Company and related parties in 2026.
(According to Proposal No. 07/TTr-HĐQT-MTS dated April 03, 2026)

1.5. Approval of the Report on the dividend payment and profit distribution plan for 2025. (According to Report No. 11/BC-HĐQT-MTS dated April 21, 2026)

The General Meeting of Shareholders agrees on the 2025 dividend payment rate of 8% of charter capital (equivalent to 800 VND/share) and the profit distribution plan for 2025 as follows:

No	Content	Value (Million dong)
1	Profit before tax in 2025	27.565.687.611
	Corporate income tax expenses	5.820.818.712
3	Remaining profit after tax for distribution	21.744.868.899
a	Dividend payment (8%/charter capital)	12.000.000.000
b	Remaining profit after dividend payment	9.744.868.899
	Extract from Reward and Welfare Fund, Management:	9.744.868.899

The General Meeting of Shareholders assigns the Board of Directors to issue the Decision on the 2025 dividend payment. Concurrently, to complete the procedures and carry out the dividend payment to shareholders by the end of the second quarter of 2026 in accordance with the regulations of the Law, TKV Group, and the Company.

1.6. Approval of the 2025 Audited Financial Statements. (According to the 2025 Summary Financial Statements)

1.7. Approval of the Report of the Board of Supervisors on the appraisal of the 2025 Business Performance Report, Financial Statements, and Profit Distribution Plan of Vinacomin - Materials Trading Joint Stock Company. (According to Report No. 06/BC-BKS dated April 21, 2026)

1.8. Approval of the Self-assessment Report on the activities of the Board of Supervisors and the supervision of the Board of Directors and the Executive Management of the Company in 2025. (According to Report No. 04/BC-BKS dated March 13, 2026)

1.9. Approval of the Proposal on the approval of the list of approved auditing organizations to conduct the audit. (According to Report No. 03/BC-BKS dated March 13, 2026)

The General Meeting of Shareholders agrees to approve the selection of the list of independent auditing firms to audit the 2026 financial statements, including:

- (1). AASC Auditing Firm Company Limited.
- (2). VACO Auditing Company Limited.
- (3). International Auditing and Valuation Company Limited (IAV).

The General Meeting of Shareholders, based on the list of approved independent auditing firms eligible to audit the Company's 2026 financial statements as mentioned above, authorizes the Board of Directors to decide on the selection of one of these auditing firms to perform the audit of the Company's 2026 financial statements under the terms and conditions approved by the Board of Directors.

In the event that the Company cannot reach an agreement with the above auditing firms regarding the contract terms and audit fees, the General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to select another auditing firm from the remaining list of independent auditing firms approved to audit public interest entities in the securities sector in 2026 by the State Securities Commission of Vietnam under Decision No. 902/QĐ-UBCK dated November 19, 2025, to audit the Company's financial statements for the fiscal year 2026 in accordance with applicable regulations.

Article 2. Implementation of the Resolution:

This Resolution shall take effect immediately after being approved by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders held on April 24, 2026.

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, and the Board of Management are responsible for directing and organizing the implementation of this Resolution in accordance with their functions, duties, and powers as stipulated by law and the Charter on Organization and Operation of Vinacomin - Materials Trading Joint Stock Company.

The Board of Directors is responsible for reporting the implementation results of this Resolution to the General Meeting of Shareholders at the 2027 Annual General Meeting./.

Recipients:

- SSC (via CBTT portal, for reporting);
- HNX (via CBTT portal, for reporting);
- Vinacomin Group (for reporting);
- Company shareholders (e-copy);
- Members of the BOD, BOS (e-copy);
- Board of Management, Chief Accountant (e-copy);
- Party Committee, Trade Union, Youth Union, Veterans' Association (e-copy);
- Departments, Workshops of the Company (e-copy);
- Archived at: Office, Board of Directors.

**ON BEHALF OF THE
GENERAL MEETING OF
SHAREHOLDERS
CHAIRMAN**

**Pham Dang Phu
Chairman of the Board of
Directors**

